

LÝ LỊCH DI TÍCH

I. Tên gọi:

- Tên thường gọi: Mộ ông Lớn, mộ ông Nguyễn Điền
- Tên chữ: 阮相公墓 (Nguyễn Tương Công Chi Mộ)

II. Địa điểm, đường đi đến:

- Di tích nằm ở phía Tây Nam của khu đất sản xuất rau sạch thuộc thôn Trà Quế, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, nguyên trước đây là ấp Trà Quế, làng/xã Thanh Hà, tổng Phú Triêm hạ, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Từ bến xe buýt Hội An - Đà Nẵng, theo đường Nguyễn Tất Thành đi về phía Đông đến ngã tư đường Nguyễn Tất Thành - Nhị Trưng thì rẽ trái, sau đó tiếp tục đi về hướng Bắc. Qua khỏi đập Trà Quế độ chừng 100m thì rẽ vào con đường bê tông thứ 2 bên phải, đi theo đường này khoảng hơn 100m rồi rẽ phải vào đường đất là đến di tích

- Có thể đi đến di tích bằng các phương tiện giao thông đường bộ như ô tô, xe mô tô, xe đạp.

III. Sự kiện, nhân vật, lịch sử và thuộc tính của di tích:

Di tích được xây dựng vào tháng 3 năm Tân Dậu (*năm 1861*), liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của ông Nguyễn Điền, người ấp Trà Quế, làng Thanh Hà, tổng Phú Triêm hạ, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Gia phả phái nhất tộc Nguyễn Văn - Trà Quế và văn bia mộ Nguyễn Điền cho biết tộc họ này có nguồn gốc ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vào cuối thế kỷ XVII, Thái Thủy tổ của tộc là ông Nguyễn Văn Tài vào định cư lập nghiệp tại ấp Trà Quế, làng Thanh Hà. Trải qua thời gian, đến nay tộc Nguyễn Văn ở Trà Quế phát triển thành 3 phái, con cháu truyền thừa đến đời thứ 11. Tuy không phải là một trong những tộc tiền hiền của làng Thanh Hà nhưng đây là tộc họ khá nổi tiếng, có truyền thống Nho nghiệp. Dưới thời phong kiến, trong tộc có nhiều người thi đỗ làm quan, giữ những chức vụ quan trọng trong triều đình nhà Nguyễn như ông Nguyễn Văn Yển, Nguyễn Điền, Nguyễn Văn Tuyển...

Cha của ông Nguyễn Điền là Nguyễn Văn Yển, làm chức Thư ký Bắc Thành, Hàn Lâm Viện thị giảng học sĩ vào thời Gia Long, sau được phong Triều Liệt Đại phu và được ban tên thụy là Đoan Lang. Nguyễn Văn Yển có vợ là người họ Văn ở Hà My (*nay là xã Điện Dương - Điện Bàn*), sinh hạ được 2 con

traí là Nguyễn Điền và Nguyễn Văn Huy. Hai người này đều học giỏi và có chí lớn.

Nguyễn Điền là con trai trưởng của ông Nguyễn Văn Yên, thuộc phái thứ nhất tộc Nguyễn Văn ở Trà Quế, tự là Tam Lễ, thụy là Trang Lượng, sinh năm Tân Hợi (năm 1791). Ông là người trung hậu, khoan hòa, có chí lớn. Lúc mới lớn theo cha đi khắp nơi, cùng với em cần mẫn học tập để làm rạng danh dòng họ và đền đáp công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Khoa thi năm Kỷ Mão dưới thời Gia Long (năm 1819), ông đỗ cử nhân và ra làm quan nguyện đem tài đức của mình cống hiến cho đất nước, cho nhân dân. Trải qua 3 triều vua Nguyễn từ Minh Mạng nguyên niên (năm 1820) đến Tự Đức ngũ niên (năm 1852), ông làm quan đến chức Thượng thư Bộ Binh kiêm Đô sát viện Hữu đô ngự sử, Tổng đốc Nam Định, Hưng Yên, Đề đốc quân vụ kiêm coi việc lương lương. Ông từng là Đồng lý xây dựng lăng miếu Đông và Xương lăng ở kinh đô Phú Xuân - Huế vào năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) và Thiệu Trị thất niên (1846), đã được triều đình tin cậy phái đi tiếp sứ thần nhà Thanh ở Bắc Ninh, làm Đồng lý thanh tra Bộ Hộ và Bộ Hình. Ông được phong là Tư Thiện đại phu, Thượng tri, Thượng khanh. Ông có vợ là bà Đặng Thị Thôi, quê ở Bình Định, sinh hạ được hai con trai và ba con gái. Ông mất vào giờ Ngọ ngày 21 tháng 12 năm Nhâm Tý (Tự Đức ngũ niên - 1852) trong chuyến thanh tra tại Hải Dương. Thi hài ông được hộ tống về chôn tại Lâm Lãnh xứ vào ngày 13 tháng 7 năm Quý Sửu (năm 1853). Ngày 17 tháng 7 năm Tân Dậu (năm 1861) cải táng đến địa điểm hiện nay. Tưởng xét những đóng góp của ông dưới 3 triều vua nên sau khi mất ông được vua Tự Đức ban thực thụ chức Thượng thư Bộ binh.

Dưới thời phong kiến, con cháu của ông Nguyễn Điền cũng có nhiều người học giỏi, nối nghiệp cha làm quan. Con trai trưởng là Nguyễn Văn Tuyển thi đỗ cử nhân khoa Mậu Thân dưới thời vua Tự Đức (năm 1848), giữ chức Thủ ấn Đồng lý đại thần, sau bổ làm Án Sát Hà Nội thành. Ông Nguyễn Văn Tuyển có 3 người con trai, song đến nay không rõ thế hệ truyền thừa. Con trai thứ là Nguyễn Văn Hiến. Theo bia mộ, khi ông Nguyễn Điền qua đời thì ông Hiến còn nhỏ. Tuy nhiên, về sau này, thân thế và sự nghiệp của ông Hiến không được đề cập trong gia phả.

Sinh thời, Nguyễn Điền là người đức độ, một vị quan tốt rất được lòng dân và bạn đồng liêu. Phẩm hạnh, đạo đức của ông được Tiến sĩ Phạm Văn Nghị, ngọn cờ Cần Vương của đất Nam Định nhiệt liệt ca tụng trong bài văn khắc tại bia mộ.

“...Xem như: Ngài chế đài Nguyễn Tường Công, ôn hòa độ lượng, mát mẽ như gió thoảng xa nên khoa thế 3 quốc triều ta, đáng hiển tài sớm đạt, trải hoạn đồ hơn 30 năm. Trời đất cho dài nói, năm Canh Tuất đầu mùa thu theo ngọn cờ sụy vào Nam, làm việc chánh không nhiều phiền, ơn xuống đến kẻ thôn ở, người đều hưởng nhờ hòa khí, tình thâm đến kẻ hào thân. Xử sự tròn mà thông suốt nên việc không ứ đọng, thận kính mà giản đơn nên người người đều thân mến... Ân cần mà nghiêm lệ, tiếp vật khoan hồng bình dị gần dân, kẻ trí không hoảng hốt, người ngu thì được dạy rằng, phân biệt rõ hình tích, không xa lìa thế tục,

mà trì thủ định đoạt yên ổn 4 phủ và 18 huyện của tỉnh Nam Định... Kiện thưa thì lấy tình mà thỏa xử, kiềm chế mà có pháp luật, không vì có gì mà để người dân phải bị nghiêm khắc. Có tật dịch thì phải người cho thuốc trị. Năm bị úng hạn thì tự mình cầu đảo và tâu xin phát chẩn, dân có nể hoi sinh sau cơn khát đói và tâu xin hoãn thuế khóa. Kẻ hương lý không ai lo tay không. Việc công thông thả không quên nho thuật, lấy văn chương mà làm thân với học giả, họ đều vui cười được vị nho sư đàm ẩm cái phong khí đại nhã. Quan cai trị mà đến với dân để cổ lệ sĩ phu như nắng mùa đông và bóng mát mùa hạ. Khá mến, khá mộ vậy, duy lấy lòng thành mà đãi vật thì vật cũng trả lòng thành, không ác với người thì người không ác lại. Nếu không phải có đức độ chân thật thì làm sao được tốt như vậy... ”

Trải qua thời gian, dưới tác động của điều kiện thời tiết, ngôi mộ cũng bị nhiều hư hại và đã được các thế hệ con cháu tôn tạo nhiều lần. Gần đây nhất là vào năm 1993 và năm 2002.

IV. Phân loại di tích:

Di tích Lịch sử

V. Khảo tả di tích:

Di tích nằm trên gò đất cao cạnh đầm Trà Quế, trong không gian thoáng đãng, hữu tình. Xung quanh di tích là những thửa rau mơn mớn bên cạnh những luống hoa đang đua nhau khoe sắc. Mùi hương của những loại rau thơm hòa quyện phả phất trong gió gọi cho ta cảm giác lâng lâng đầy hứng khởi, những suy tư về một vùng quê thanh bình khi đặt chân đến di tích. Trước mặt di tích là đầm Trà Quế, không xa về phía Bắc là sông Cỏ Cò hiền hòa xuôi dòng về Cửa Đại. Di tích nằm cách giếng đá Trà Quế chừng 40m về phía Bắc, cách miếu Vọng Thiên và nhà thờ phái nhất tộc Nguyễn Văn ở Trà Quế chừng 130m về phía Tây.

Di tích có diện tích khoảng 14m30 x 12m35, mặt tiền hướng Tây Nam, nền của di tích cao hơn so với khu vực xung quanh 0m70 và được lát gạch thẻ. Khuôn viên bên trong di tích - khu vực có tam tinh, nhà bia và trụ biểu được khu biệt với bên ngoài bởi hàng rào xây bằng gạch gắn song hình con tiện bằng sứ màu trắng. Dọc theo tường rào là bồn hoa trồng cây cảnh. Vào khuôn viên bên trong di tích phải qua cổng ở phía Tây Nam. Trụ cổng khá lớn, cao hơn so với tường rào, trên đầu trụ cổng có đặt đài sen, mặt trước của trụ cổng gắn câu đối 白雲隱約朝還暮; 鶴依稀去復來 (*Bạch vân ẩn ước triều hoàn mộ, Hoàng Hạc y hy khứ phục lai*) khắc trên sa thạch màu xám. Hai bên phía trước nhà bia là trụ biểu, mặt trước của trụ biểu có cẩn nổi câu đối: 金榜題名自古芳傳留後世; 勳功記而今歆享德前人 (*Kim bảng đề danh phương truyền lưu hậu thế, Huân công ký tích nhi kim hân hưởng đức tiền nhân*). Phía trước tam tinh là nhà bia có mái chia hai tầng, mặt trước tại vị trí phân tầng có đắp nổi dòng chữ 阮相公墓 (*Nguyễn Tương Công Chi Mộ*), bờ nóc trang trí đề tài “*Lưỡng long tranh châu*”. Hai trụ trước của nhà bia có đắp trang trí hình long giáng cuộn quanh thân, hai trụ sau đắp câu đối: 資善大夫

以文德扶安社稷；尚書部兵用武功報義國民 (*Tư thiện đại phu dĩ văn đức phù an xã tắc; Thượng thư Bộ Binh dùng võ công báo nghĩa quốc dân*). Trong nhà bia có đặt tấm bia lớn bằng đá hoa cương trắng trên bệ đỡ bằng sa thạch cách điệu thành chân quỳ với bốn mặt được chạm nổi hình rồng mây. Hai mặt của tấm bia đều khắc bài minh văn kể về cuộc đời và sự nghiệp của người quá cố. Ở mặt trước, trán bia trang trí đồ án cát tường, hoa dây và chữ 壽 (*thọ*), diềm bia trang trí hình rồng. Diềm bia ở mặt sau trang trí hoa dây. Phía sau tam tinh, nằm sát tường rào là bức bình phong hình cuốn thư cao 1m88, dài 3m20. Bức bình phong trang trí đề tài rồng mây ở hai bên, chính giữa đắp nổi cảnh núi non và con hổ trong tư thế vươn mình nhảy chồm về phía trước. Chính giữa khuôn viên là tam tinh tạc thi hài người quá cố. Năm mộ hình chữ nhật có kích thước 258 x 115 x 91 cm, được ghép bởi 5 phiến đá lớn bằng sa thạch màu xám xanh. Bên ngoài phiến đá đắp phía trên có xây đắp bằng các vật liệu khác tạo thành hình mái giạt cấp.

VI. Các hiện vật trong di tích:

Ngoài các thành phần vật chất cấu tạo nên ngôi mộ, hiện nay trong di tích còn lưu giữ một số hiện vật sau:

- 01 tấm bia bằng đá hoa cương màu trắng có kích thước: 126 x 102cm
- 01 đế bia chân quỳ bằng sa thạch màu xám có trang trí hình rồng mây. Kích thước 130 x 32 x 20cm.

VII. Giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, văn hóa:

- Di tích bổ sung những thông tin cần thiết để hiểu rõ hơn về lịch sử nước nhà nói chung và ở địa phương nói riêng vào thế kỷ XIX.

- Di tích là công trình kiến trúc mộ táng nhưng có giá trị về mặt mỹ thuật, thể hiện các quan niệm về táng tục của người xưa. Vì vậy, bản thân di tích là nguồn tư liệu quý để các nhà khoa học nghiên cứu trên các lĩnh vực mỹ thuật, dân tộc học, văn hóa học...

- Đây là nơi yên nghỉ của một vị đại thần có nhiều công hiến cho đất nước trên lĩnh vực chính trị và quân sự, là vị quan nổi tiếng thanh liêm cương trực của Triều Nguyễn, là tấm gương tiêu biểu về phẩm hạnh đạo đức và tư tưởng thân dân. Do vậy di tích có ý nghĩa lớn cho công tác giáo dục truyền thống của địa phương.

- Một mặt di tích chứng minh truyền thống văn hóa tốt đẹp của địa phương, mặt khác cũng khẳng định những đóng góp của nhân dân Trà Quế - Thanh Hà vào sự nghiệp chung của đất nước.

- Sự hiện diện của di tích góp phần làm phong phú thêm loại hình di tích mộ táng ở Hội An.

VIII. Trạng thái bảo quản:

Hiện nay, di tích đang được bà con phái nhất tộc Nguyễn Văn thôn Trà Quế bảo quản khá tốt, hằng năm đều đến viếng, dọn vệ sinh và tổ chức lễ kỵ theo lệ. Tuy nhiên, trải qua thời gian dài nên di tích cũng đang có dấu hiệu xuống cấp.

IX. Các phương án bảo vệ và phát huy giá trị di tích:

- Bà con trong phái nhất tộc Nguyễn Văn ở Trà Quế cần thường xuyên dọn dẹp vệ sinh khu di tích. Tổ chức lễ cúng, viếng theo tục lệ của phái.

- Do di tích nằm giữa đồng trống, thường xuyên chịu tác động mạnh bởi các yếu tố bất lợi của tự nhiên dẫn đến sự hư hại xuống cấp, do đó bà con trong phái cần chủ động có kế hoạch gia cố tu sửa. Trong trường hợp cần thiết có thể phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương để bảo vệ di tích.

- Tuy di tích là công trình kiến trúc mộ táng nhưng có giá trị về mặt mỹ thuật, thể hiện các quan niệm về táng tục của người xưa. Hơn nữa, đây là nơi yên nghỉ của một vị đại thần nổi tiếng là thanh liêm cương trực của Triều Nguyễn, vì vậy, trong tương lai các cơ quan chức năng ở địa phương nên xây dựng kế hoạch nâng cấp di tích thành nơi lưu niệm về một danh nhân của địa phương, thành điểm tham quan trong tuor du lịch làng rau Trà Quế.

- Tiếp tục sưu tầm tư liệu, nghiên cứu làm sáng tỏ thêm một số vấn đề về cuộc đời và sự nghiệp của ông.

X. Cơ sở pháp lý để bảo vệ:

- Di tích thuộc quyền quản lý, bảo vệ của phái nhất tộc Nguyễn Văn ở thôn Trà Quế.

- Di tích đã được đưa vào danh mục di tích của Hội An năm 1989, được UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) khoanh vùng bảo vệ năm 1992. Năm 1997, di tích nằm trong danh mục di tích - danh thắng được UBND tỉnh Quảng Nam bảo vệ theo Quyết định số 1353/QĐ-UB ngày 15/8.

- Hiện tại, di tích đã được lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng là di tích cấp tỉnh.

XI. Các tài liệu bổ sung:

- Biên bản khoanh vùng bảo vệ di tích năm 1992
- Bản dịch văn bia ngôi mộ
- Gia phả tộc phái nhất tộc Nguyễn Văn ở thôn Trà Quế.

Hội An, ngày 11 tháng 8 năm 2008

TRUNG TÂM QLBT DI TÍCH HỘI AN

Người lập lý lịch

Võ Hồng Việt